

# SÚNG PHUN CẦM TAY

## Series WIDER1

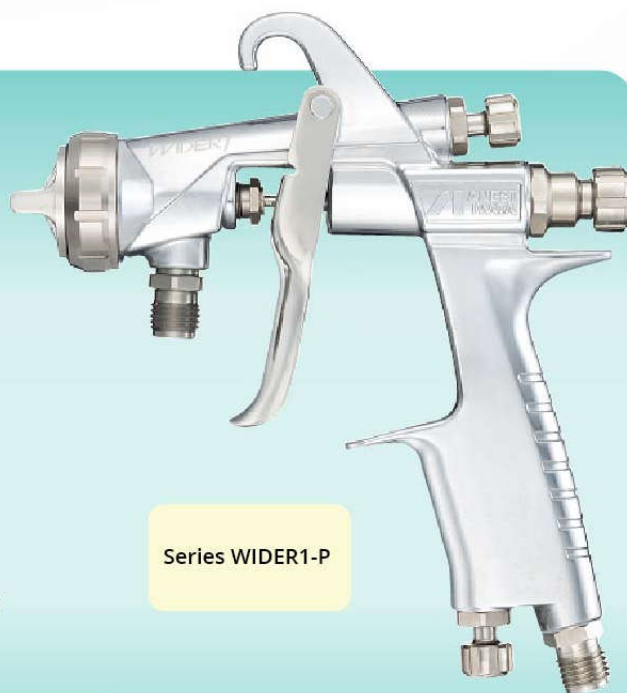
- Thiết kế nhỏ, gọn, nhẹ, phù hợp với tay cầm.
- Được sử dụng để sơn cho ô tô, kim loại, hoặc cho các sản phẩm nhựa, đồ nội thất và chế biến gỗ.
- Đề xuất phun cho sản phẩm từ 150 cm<sup>2</sup> trở xuống.



Series WIDER1-G



Series WIDER1-S



Series WIDER1-P

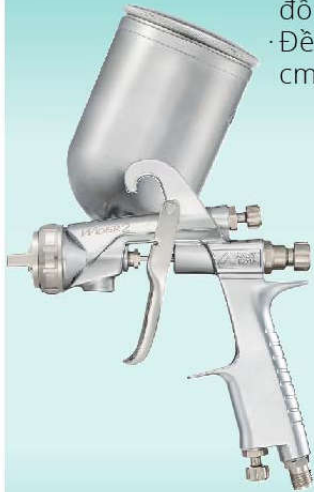
\* Súng bán chưa bao gồm cốc

MÃ MỚI	MÃ CŨ	KIỂU PHUN							
			mm	MPa	lít/phút	ml/phút	mm	No.	g
WIDER1-08E2P	W-101-082P	Kiểu áp lực	0.8	0.29	270	150	190	E2P	290
WIDER1-10E2P	W-101-102P	Kiểu áp lực	1.0	0.29	270	200	220	E2P	
WIDER1-13E2P	W-101-132P	Kiểu áp lực	1.3	0.24	220	200	210	E2P	
WIDER1-15E2P	W-101-152P	Kiểu áp lực	1.5	0.24	220	250	240	E2P	
WIDER1-10E1S	W-101-101S	Kiểu hút	1.0	0.24	75	85	120	E1	
WIDER1-13K1S	W-101-131S	Kiểu hút	1.3	0.24	145	150	155	K1	
WIDER1-13H2S	W-101-132S	Kiểu hút	1.3	0.24	225	150	160	H2	
WIDER1-13H4S	W-101-134S	Kiểu hút	1.3	0.2	210	140*	180*	H4	
WIDER1-15K1S	W-101-151S	Kiểu hút	1.5	0.24	145	175	170	K1	
WIDER1-15H2S	W-101-152S	Kiểu hút	1.5	0.24	225	170	175	H2	
WIDER1-18N1S	W-101-181S	Kiểu hút	1.8	0.24	170	210	170	N1	
WIDER1-10E1G	W-101-101G	Kiểu trọng lực	1.0	0.24	75	95	130	E1	
WIDER1-13K1G	W-101-131G	Kiểu trọng lực	1.3	0.24	145	160	170	K1	
WIDER1-13H2G	W-101-132G	Kiểu trọng lực	1.3	0.24	225	160*	175*	H2	
WIDER1-13H4G	W-101-134G	Kiểu trọng lực	1.3	0.2	210	155*	205*	H4	
WIDER1-15K1G	W-101-151G	Kiểu trọng lực	1.5	0.24	145	200	180	K1	
WIDER1-15H2G	W-101-152G	Kiểu trọng lực	1.5	0.24	225	190	190	H2	
WIDER1-18N1G	W-101-181G	Kiểu trọng lực	1.8	0.24	170	240	190	N1	

- Độ nhớt sơn: 20 sec/NK-2. Dấu (\*): 12sec/NK-2
- Khoảng cách giữa súng và vật phun: 200 mm
- Đầu khí: G1/4 (PF1/4)
- Đầu chất lỏng: G1/4 (PF1/4)

## Series WIDER2

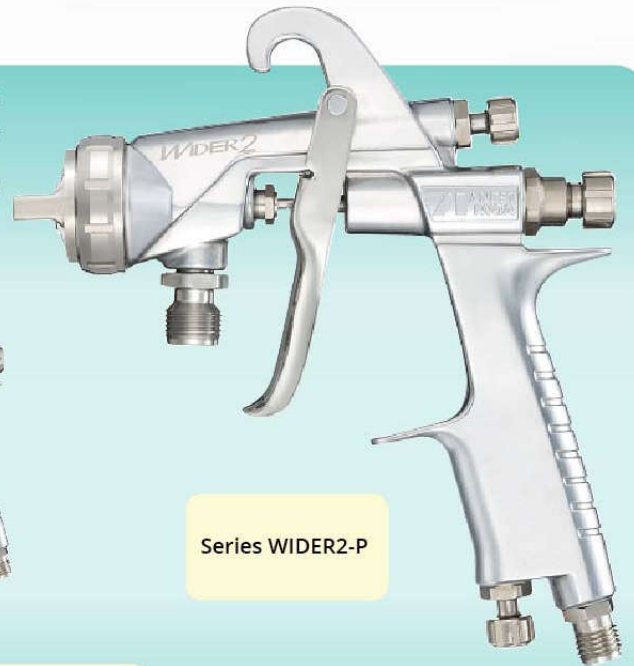
- Được sử dụng để sơn cho ô tô, kim loại, hoặc cho các sản phẩm nhựa, đồ nội thất và chế biến gỗ
- Đề xuất phun cho sản phẩm từ 150 cm<sup>2</sup> trở lên.



Series WIDER2-G



Series WIDER2-S



Series WIDER2-P

\* Súng bán chưa bao gồm cốc

MÃ MỚI	MÃ CŨ	KIỂU PHUN							
			mm	MPa	lít/phút	ml/phút	mm	No.	g
WIDER2-12G2P	W-200-122P	Kiểu áp lực	1.2	0.29	500	500	400	G2P	375
WIDER2-15K1S	W-200-151S	Kiểu hút	1.5		200	240	210	K1	
WIDER2-15K2S	W-200-152S	Kiểu hút	1.5		330	240	290	K2	
WIDER2-18K2S	W-200-182S	Kiểu hút	1.8		330	290	340	K2	
WIDER2-20R1S	W-200-201S	Kiểu hút	2.0		260	350	260	R1	
WIDER2-20R2S	W-200-202S	Kiểu hút	2.0		360	350	290	R2	
WIDER2-25W1S	W-200-251S	Kiểu hút	2.5		360	440	280	W1	
WIDER2-15K1G	W-200-151G	Kiểu trọng lực	1.5		200	270	220	K1	
WIDER2-15K2G	W-200-152G	Kiểu trọng lực	1.5		330	270	320	K2	
WIDER2-18K2G	W-200-182G	Kiểu trọng lực	1.8		330	320	380	K2	
WIDER2-20R1G	W-200-201G	Kiểu trọng lực	2.0		260	410	280	R1	
WIDER2-20R2G	W-200-202G	Kiểu trọng lực	2.0		360	410	320	R2	
WIDER2-25W1G	W-200-251G	Kiểu trọng lực	2.5		360	510	310	W1	

- Độ nhớt sơn: 20 sec/NK-2.
- Khoảng cách giữa súng và vật phun: 250 mm.
- Đầu khí: G1/4 (PF1/4)
- Đầu chất lỏng: G1/4 (PF1/4); G3/8 (PF3/8).